

CHUYÊN MỤC

TRAO ĐỔI NGHIỆP VỤ

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN XÃ HỘI HỌC BẰNG TIẾNG ANH**PHẠM VĂN BÍCH**

Bài viết trước hết nêu bật tầm quan trọng của việc đọc trong hoạt động nghề nghiệp của nhà xã hội học. Tiếp đó dựa trên những quy ước về cách viết của giới xã hội học quốc tế, tác giả đưa ra những gợi ý và nêu lên vài công cụ hỗ trợ để giúp những độc giả chưa đọc thông thạo sách chuyên môn bằng tiếng Anh có thể giảm bớt khó khăn trong việc đọc hiểu. Cuối cùng, bài viết dẫn vài ví dụ về đọc chệch, hiểu sai, để qua đó giúp độc giả rút ra kinh nghiệm đọc và tìm đọc sách báo chuyên ngành.

Cho đến nay trong xã hội học Việt Nam, nhiều nhà nghiên cứu không có thói quen đọc sách báo chuyên môn, mà chỉ quen rằng khi được cấp kinh phí cho một đề tài hay dự án nào đó thì họ soạn một bảng hỏi hoặc chùm câu hỏi phỏng vấn sâu..., rồi đi thực địa, sau đấy xử lý số liệu rồi viết báo cáo. Nhiều ấn phẩm rất ít hoặc thậm chí không trích dẫn sách báo chuyên môn nhưng vẫn được duyệt đăng. Nói cách khác, đọc không thành yêu cầu bắt buộc trong nghiên cứu, không được coi trọng, và tình trạng nghèo nàn về văn hóa đọc rất phổ biến.

Trong khi đó, đọc là một trong những

hoạt động tác nghiệp không thể thiếu của xã hội học quốc tế (Waters, 1994, tr. 4), và là một kỹ năng nghề nghiệp rất quan trọng. Sự hội nhập cùng yêu cầu nâng cao chất lượng nghiên cứu đòi hỏi ngành xã hội học Việt Nam phải triệt để thay đổi và chú trọng việc đọc. Tuy nhiên, một vấn đề mới nảy sinh: đọc sách báo chuyên ngành thật gian khó nhọc nhằn, vậy thì làm sao nắm được kỹ năng đọc, đặc biệt với sách báo bằng tiếng Anh - ngôn ngữ phổ dụng nhất của xã hội học trên thế giới hiện nay?

Tình trạng đó đặt ra nhu cầu cấp thiết là không chỉ khắc phục tệ “không thèm đọc” mà cả rèn luyện cách đọc. Điều này khiến không ít người ngạc nhiên, vì họ tưởng rằng cứ biết chữ là biết đọc. Hết bậc tiểu học, môn tập đọc

Phạm Văn Bích. Phó giáo sư tiến sĩ. Viện xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

không còn nằm trong chương trình giảng dạy nữa; vả lại, những gì được dạy và luyện đọc chỉ là từng bài, chứ không phải một cuốn sách. Như nhận xét xác đáng của một người am hiểu, “ở Việt Nam không dạy đọc sách” nên hậu quả là “phần lớn bạn trẻ chưa biết cách đọc sách” (Yến Trinh, 2015). Gần đây, tuy đôi khi xuất hiện vài ba tài liệu huấn luyện cách đọc, song hầu hết chỉ tập trung vào việc thúc đẩy tốc độ đọc hay gia tăng vốn từ, với những thủ thuật đọc nhanh (speedy reading) được giới thiệu rộng rãi, chứ không phải đọc có nhận xét, đánh giá. Nhưng đối với nhà nghiên cứu, đọc không phải nhằm thuần túy thu thập thông tin, mà còn cần phân tích và đánh giá. Việc này đòi hỏi những kỹ năng riêng, vốn không cần thiết ở cách đọc cho vui hoặc để thuần túy tìm thông tin. Muốn thành thạo cách đọc này, nhà nghiên cứu cần nhiều điều hơn là tốc độ đọc.

Hơn nữa, việc đọc sách báo chuyên môn bằng tiếng Anh đặt ra thêm nhiều khó khăn, vì trước hết nó đòi hỏi độc giả phải thông thạo ngoại ngữ này. Đương nhiên việc thành thạo tiếng Anh theo nghĩa sở hữu cả vốn từ dồi dào lẫn ngữ pháp vững vàng là không thể thiếu, nhưng đây chỉ là điều kiện cần chứ chưa đủ; còn phải bổ sung kỹ năng đọc và tri thức chuyên môn thể hiện qua bộ máy khái niệm phong phú. Cần nhấn mạnh vốn khái niệm vì nếu thiếu kiến thức chuyên môn (được thể hiện ở bộ máy phạm trù và khái niệm), mà chỉ có ngoại ngữ không thôi, thì như tác giả bài viết này đã có dịp nêu

ra (Mai Huy Bích, 2001), giỏi lắm người ta chỉ đủ khả năng “giải mã” về mặt ngôn ngữ cái văn bản mình đọc, chứ không hiểu nổi và tiêu hóa được nội dung khái niệm. Trong khi đó ở nhiều cấp đào tạo của xã hội học (cả đại học lẫn sau đại học), thời lượng dành cho môn đọc hiểu đều rất hạn chế. Thêm nữa, việc dạy tiếng Anh và chuyên môn xã hội học ở Việt Nam thường hoàn toàn tách rời nhau chứ không kết hợp: giáo viên ngoại ngữ không phải là nhà xã hội học, và không phải nhà xã hội học nào cũng thành thạo tiếng Anh để hướng dẫn cách đọc cho học trò.

Trong bối cảnh đó, bài viết này xác định đối tượng là nhà nghiên cứu trẻ - đặc biệt những người không được đào tạo và rèn luyện kỹ năng đọc nhưng vẫn phải vật lộn để hiểu tài liệu tiếng Anh - nhằm giúp họ ít nhiều nắm được cách đọc. Bài viết không xét việc nâng cao vốn liếng Anh ngữ, mà coi như độc giả đã nắm được tiếng Anh cơ bản. Thay vào đó, trọng tâm của bài viết là kỹ năng đọc hiểu văn bản chuyên môn. Cần nêu rõ rằng, mặc dù còn khó khăn đối với độc giả Việt Nam, nhưng các bài tạp chí, các chương trong cuốn sách mà nhiều người góp chung và sách chuyên khảo từ thế giới nói tiếng Anh (Mỹ, Anh, Canada, Australia...) đã xác lập được những quy ước nhất định về cách viết. Nhờ thế, nếu nắm vững những quy ước đó, nhiệm vụ đọc hiểu sẽ bớt gian nan cực nhọc. Bài này nhằm giúp độc giả nắm lấy một vài quy ước, để có thể hiểu đúng và chính

xác những gì họ đọc. Nó đề cập đến kỹ năng đọc, nhưng không phải đọc nhanh, mà nhấn mạnh việc đọc một cách cẩn trọng và theo tinh thần phản biện (careful and critical reading). Và nó cũng không tập trung rèn kỹ năng nhận xét và đánh giá, bởi nhiệm vụ này đã đề cập riêng ở một dịp khác (Phạm Văn Bích, 2013).

Tuy nhiên, nên nói rõ rằng những gợi ý đưa ra trong bài viết này không vận dụng với tài liệu tiếng Việt. Lý do bởi văn bản bằng tiếng Việt phần nhiều không tuân thủ những quy chuẩn thịnh hành trên thế giới. Nói cách khác là ít người viết áp dụng các quy ước ấy.

1. TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC ĐỌC

Theo thông lệ quốc tế, từ khi còn là sinh viên và nghiên cứu sinh, nhà xã hội học đã phải đọc sách báo chuyên ngành mà giảng viên yêu cầu, nắm được những điểm chính về nội dung, rồi trên cơ sở ấy họ thảo luận nhóm, làm bài thi hoặc viết tiểu luận kết thúc môn học. Nếu không đọc, không biết cách đọc hoặc đọc qua loa, thì hoàn toàn không thể thảo luận nhóm, làm bài thi hoặc viết tiểu luận. Khi viết tiểu luận hoặc luận văn về một chủ đề nhất định, sinh viên và nghiên cứu sinh phải đọc và sử dụng những sách báo được coi là cơ bản đối với chủ đề và lĩnh vực ấy (mà đôi khi trong tiếng Anh dùng từ “must read”). Đây thường là những công trình nghiên cứu xuất sắc, đã vượt qua thử thách của thời gian, trở thành mẫu mực, thành vốn liếng kinh điển, hoặc đang được nhiều người tìm đọc và bàn tới, mang tính thời thượng, là một thịnh hành. Giảng

viên và giám khảo thường nhìn vào danh sách tài liệu trích dẫn để đánh giá người học có thật sự đọc, thật sự làm việc hay không. Nếu không sử dụng những tài liệu này, thì bị coi là mắc một thiếu sót không thể bỏ qua, khó tha thứ, và có thể ảnh hưởng rõ rệt đến kết quả thi. Như một tác giả phương Tây đã đúc kết, đọc hết sức quan trọng đối với học viên cao học và nghiên cứu sinh, dù mục đích và mức yêu cầu có khác nhau. Học viên cao học - người sẽ lấy bằng thạc sĩ - cần đọc để khẳng định rằng công trình của họ khớp ở đâu với các công trình tương tự khác trong sách báo, và rằng công trình của họ có đủ thông tin về những nghiên cứu này. Còn nghiên cứu sinh - người học để có học vị tiến sĩ - cần đọc để chứng minh sự mới mẻ (novelty) trong công trình của mình so với những nghiên cứu hiện có (Hunt, 2005, tr. 53).

Nhưng đọc không dừng lại trong khuôn khổ giảng đường mà phải trở thành một hoạt động nghề nghiệp suốt đời của nhà xã hội học. Đọc quan trọng như vậy vì rất nhiều lý do.

Một là để cuộc nghiên cứu mà chúng ta dự định tiến hành sẽ gắn với những thành quả học thuật đã có, tránh lãng phí thì giờ, tiền bạc và công sức của ta vào việc đi tìm cái đã được người khác tìm ra từ lâu. Nói theo câu thành ngữ Anh, tránh “phát minh lại chiếc bánh xe”, còn tiếng Việt thì khuyên rằng: không nên còng lưng mở một cánh cửa đã mở sẵn. Nhà nghiên cứu bao giờ cũng cố tìm ra những lĩnh vực nghiên cứu hoàn toàn mới, hay gắng

kiếm tìm các góc nhìn mới về những chủ đề và ý tưởng thường là đã cũ. Những gì chưa nghiên cứu sẽ được xác định làm đối tượng tìm hiểu; những gì đã được tìm hiểu nhưng chưa thỏa đáng thì có thể nghiên cứu lại. Đọc là nhằm tìm ra những khoảng trống tri thức (những gì chưa được tìm hiểu) hoặc tuy đã được xem xét, nhưng dưới góc độ cũ, và từ đó đề xuất một cách nhìn mới về cái quen thuộc. Muốn vậy, không cách nào khác hơn là phải đọc.

Lý do thứ hai khiến ta cần đọc, đặc biệt trước khi tiến hành một nghiên cứu trên thực địa, là để từ những gì hiện có, đã công bố, ta có thể dựa vào, hoặc nếu thấy cần thì cập nhật hay chỉnh sửa. Đồng đảo giới học thuật quốc tế đều chung một quan niệm rằng nghiên cứu xã hội học mang tính chất vừa kế thừa vừa đổi mới. Nghĩa là mỗi học giả một mặt thừa hưởng và sử dụng những gì mà tiền bối và đồng nghiệp của mình đã tìm ra, nhưng mặt khác cũng đóng góp phần mình bằng những phát hiện và kết quả mới. Mượn lời một nhà xã hội học Mỹ, trong trạng thái thông thường của mình (“thông thường” - “normal science” - tức không phải ở trạng thái biến đổi sâu sắc mang tính cách mạng, như ngôn từ của T. Kuhn, 1962), khoa học mang tính tích hợp theo nghĩa các phát minh sáng chế không xuất phát từ con số 0. Chúng ta phụ thuộc vào những người đi trước; chúng ta không thể không sử dụng các phương pháp, kết quả và ý tưởng của họ. Nhà khoa học phải gắn liền họ nói với những gì

người khác đã nói, và phải làm việc đó sao cho người ta hiểu vấn đề. Đọc là để đảm bảo điều đấy. Nhưng ngoài việc gắn liền mình nói với cái người khác đã nói, nhà khoa học còn phải nói điều gì mới mẻ dù là tối thiểu (Becker, 1986, tr. 140-141). Becker diễn đạt điều đó cụ thể như sau: khi xây dựng một luận điểm khoa học, chúng ta tự mình tạo nên một số phần trong đó bằng dữ liệu hoặc thông tin ta thu thập được. Nhưng ta không phải chế tác tất cả mọi thứ: hẳn là những người khác đã làm việc về vấn đề của chúng ta hoặc những vấn đề có liên quan với nó, và đưa ra một vài trong số những thứ ta cần. Muốn vậy, nên biết những cái đó nằm ở đâu. Và đó là lý do vững chắc khiến ta phải đọc và biết sách báo có liên quan để nắm rõ những gì đã sẵn có. Theo lối ví von của Becker, việc xây dựng một luận điểm khoa học giống như đóng một cái bàn: nhà xã hội học không phải tự mình làm ra tất cả mọi bộ phận, mà chỉ cưa đục, chế tác một số, còn một số khác thì may thay có bán sẵn ở các hiệu đồ gỗ. Ta chỉ lắp nó vào nơi chốn của nó. Để biết được những gì đã sẵn có, điều nhà xã hội học cần làm là đọc, thu thập, ghi chép những mẫu thông tin từ tri thức hiện hành (Becker, 1986, tr. 142).

Cuối cùng, bằng cách đọc những gì đã có, hi vọng là chúng ta có thể làm theo thành công và cái tốt của người trước, tránh được những sai lầm họ đã mắc (Marsh, 2002, tr. 28). Tóm lại, việc đọc mang lại cho nhà xã hội học không chỉ tri thức mới mà còn kích

thích suy nghĩ, gợi mở cho việc xác định vấn đề nghiên cứu nhằm thu thập dữ liệu thực nghiệm để kiểm định, chứng minh hay bác bỏ điều đã đọc, và thậm chí đưa ra những luận điểm mới, khác hẳn hoặc trái ngược với điều đọc được. Theo nghĩa đó, đọc mang lại niềm vui khám phá và khoái cảm sáng tạo, thứ mà các hoạt động tác nghiệp khác không thể cung cấp, đúng như cổ nhân đã nói: “Thư trung hữu ngọc” (trong sách có ngọc) (Mai Huy Bích, 2001).

Đây là những lý do chắc chắn để thấy đọc là cần thiết, bổ ích và không thể thiếu. Nói gọn lại, đối với nhà xã hội học, *đọc tài liệu chuyên môn không phải để giải trí hay làm sang, mà là một trong những hoạt động nghề nghiệp cơ bản*, và đọc là để đặt công trình của mình vào một bối cảnh học thuật nhất định⁽¹⁾.

Trên đây chúng ta đã nêu bật tầm quan trọng của việc đọc. Bây giờ chúng ta hãy xem xét cách đọc.

2. NÊN ĐỌC NHƯ THẾ NÀO

Đọc không đòi hỏi nhiều công cụ: người ta thường nói rằng ngoài sách, đọc giả chỉ cần một công cụ duy nhất là vật đánh dấu trang sách đang đọc dở (book marker). Nhưng điều đó đúng với việc đọc giải trí chứ không phải với hoạt động đọc của nhà nghiên cứu. Nhà khoa học đọc không để cho vui, hay chỉ nhằm thu thập thông tin thuần túy. Trong học thuật, đọc là để hiểu đúng văn bản và nhận xét đánh giá nó, và bởi vậy, hoạt động này thật khó nhọc (được mô tả bằng thành ngữ “dùi mài đèn sách”). Như

người xưa đã nói, nhiều văn bản mang “ý tại ngôn ngoại” (ý ở ngoài lời). Khi ấy nó đòi hỏi đọc bên ngoài con chữ, tìm hiểu và đoán được ẩn ý nằm “giữa các dòng chữ” như đã nêu bật trong thành ngữ tiếng Anh “to read between the lines”. Nhà xã hội học đọc một cách chủ động theo nghĩa vừa đọc vừa nhận xét, đánh giá và phê phán những gì mình đọc. Vì thế ngoài vật đánh dấu trang, ta cần những công cụ khác nữa - tùy theo thói quen của từng người - như bút đánh dấu, bút viết, phiếu ghi chép hay sổ tay hoặc giấy v.v. Tất nhiên ta không thể đánh dấu sách báo của các thư viện công, vì làm như vậy là vi phạm nội quy. Ta chỉ làm thế với tài liệu của riêng ta. Bởi vậy lời khuyên đầu tiên đối với nhà xã hội học trẻ là nên xây dựng một thư viện riêng của mình, dù lớn dù nhỏ, dù bằng cách mua sách hay sao chụp, để được đánh dấu theo ý mình.

Ngoài ra, việc lập một thư viện riêng còn đem đến một lợi thế nữa: ta có sẵn tài liệu trong nhà và có thể sử dụng bất kỳ lúc nào cần. Trong khi đó, ngay cả ở các thư viện lớn và hiện đại, tầm cỡ quốc tế vẫn thường xảy ra tình trạng quyền sách ta cần đã bị người khác mượn. Khi ấy, điều duy nhất ta có thể làm là đăng ký với thư viện để ghi tên mình vào danh sách đọc giả chờ, và đợi cho người đang mượn kia đọc xong, mang trả, thì mới đến lượt ta. Vì vậy, đây là lý do nữa để khuyên nhà xã hội học nghiêm túc đầu tư lập một thư viện cá nhân của riêng mình.

Khi đã có sách trong tay, vấn đề này sinh là đọc như thế nào? Việc đọc trong khoa học lại đòi hỏi không chỉ vốn liếng kiến thức đã tích lũy để tiếp thu và hiểu những gì đọc được, mà cả sự động não suy nghĩ, kiên nhẫn đọc đi đọc lại, thậm chí vắt óc mới hiểu được điều tác giả viết ra và muốn nói. Để nắm bắt đúng ý chính từ tài liệu, và khai thác được những gì cần thiết nhằm sử dụng trong nghiên cứu của mình, ngoài điều kiện là nên đọc đúng lúc (không nên đọc khi mệt hoặc phân tán tư tưởng) và đúng chỗ (đọc ở nơi yên tĩnh), người đọc phải có một số kỹ năng nhất định. Hơn thế nữa, khi đọc cần theo tinh thần phản biện và giữ vai trò nhà phê bình: nhận xét, nêu ý kiến và bình luận điều mình đọc. Người đọc thực thi vai trò đó bằng cách phân tích nó (tức là xét xem văn bản được sắp xếp, tổ chức như thế nào), đánh giá nó (nghĩa là xác định xem văn bản có đạt mục tiêu đề ra không, và liệu có đưa ra một quan điểm đáng tin không). Đó là hành động đọc tích cực, và nó đòi hỏi những kỹ năng vốn không hề cần thiết đối với việc đọc thụ động.

2.1. Xác định mục tiêu và chọn cách đọc phù hợp

Muốn đọc tích cực, trước tiên độc giả cần xác định rõ mình cần gì, thiếu gì rồi chọn cách đọc thích hợp. Có ba phương thức (hay chiến lược) đọc; mỗi chiến lược thích hợp với một kiểu công việc khác nhau:

1/ Có thể đọc cẩn thận từng câu, từng chữ những văn bản có tầm quan trọng lớn trong công việc của mình.

2/ Hoặc, nếu người đọc chỉ muốn có ấn tượng chung về nội dung, những ý tưởng chính và cơ cấu toàn thể của văn bản thì nên đọc lướt.

3/ Nếu người đọc chỉ tìm một lời đáp cho một câu hỏi cụ thể (cụm con số, hoặc tác giả nói gì về một chủ đề nhất định...) thì nên đọc quét văn bản đó.

Khi có chủ đích rõ ràng, người đọc có thể chọn chiến lược đọc thích hợp nhất (Greetham, 2001, tr. 78-80). Như vậy, điều quan trọng là linh hoạt về cách đọc.

2.2. Tìm “địa dư” văn bản

Người đọc nên đặt ra những câu hỏi quan trọng để xác định cách sử dụng văn bản: nó có thích hợp với điều người đọc cần biết không? Nếu thích hợp, thì phần nào? Tìm ra phần cần đọc - nơi hàm chứa thông điệp cơ bản - chính là nhiệm vụ mà một số chuyên gia trong giới học thuật gọi bằng cái tên “xác định địa dư” (geography) của những gì được đọc. “Địa dư” của văn bản là cách sắp xếp vị trí của các phần, các chương mục trong sách hoặc bài báo để nêu bật luận điểm cơ bản. Cần nhấn mạnh rằng giới xã hội học quốc tế đã ít nhiều thành công trong việc xác lập được một số quy ước chỉ dẫn việc viết các ấn phẩm. Nghĩa là các nhà xã hội học thường tuân thủ những khuôn mẫu nhất định khi trình bày xuất bản phẩm của mình, theo đó họ cho độc giả biết trước những gì họ sẽ viết trong từng chương, từng bài. Mục đích của việc đặt ra các quy ước đó là giúp độc giả dễ hiểu, dễ nhận ra, nắm bắt và ghi nhớ những gì họ đọc. Chính nhờ những quy ước về

cách viết ấy trong học thuật, độc giả có thể tìm biết về nội dung văn bản ở những vị trí nhất định của nó một cách tương đối nhanh chóng và đơn giản.

Có những văn bản độc giả cần đọc hết và kỹ càng, nhưng không phải bất kỳ tài liệu nào cũng cần đọc từ đầu đến cuối, từ bìa 1 (đầu tiên) tới bìa 4 (sau cùng). Có những tài liệu chỉ cần đọc ở một số chương, phần hay trang, đoạn nhất định, và người đọc nên học cách sử dụng thì giờ có hiệu quả bằng cách chọn đọc những gì mình cần. Để xác định cái gì cần đọc trong một cuốn sách, thì hãy dùng “contents” (mục lục) và cả các “index” (bảng tra cứu) để tìm xem liệu sách có nói đến vấn đề mà người đọc quan tâm hay không, và nếu có thì ở chỗ nào (việc này sẽ được đề cập ở một mục sau).

Trong lời khuyên của mình, các nhà nghiên cứu W. Booth, G. Colomb và J. Willilams đã đúc kết kinh nghiệm tìm đọc như sau: Độc giả cần đọc kỹ những văn bản quan trọng, nhưng trước đó cũng có thể phải thực hiện động tác đọc nhanh nhằm loại bỏ những tài liệu không dùng được. Việc đọc nhanh đòi hỏi nhiều điều hơn là lướt mắt thật nhanh trên trang giấy. Độc giả cần nắm được cách tìm ra những thành tố chính của một lập luận. Và để làm việc đó, người đọc cần biết cả kết cấu của lập luận (thường bao gồm ba thành tố: luận điểm chủ chốt là gì, đâu là lý do cho nó, và đâu là bằng chứng) cũng như “địa dư” của văn bản. Hãy tiến hành các bước như sau:

Bước 1. Làm quen với cách sắp xếp vị trí các phần mục của văn bản. Trước

khi đọc lướt, hãy nắm được kết cấu tổng thể của nó. Với một cuốn sách, hãy đọc vài câu đầu tiên ở mỗi đoạn trong lời giới thiệu (preface); dùng mục lục để tìm phần nhập đề (introduction), chương tóm tắt, (summary chapter),... lướt qua bảng tra cứu nhằm tìm những mục từ có tần số xuất hiện ở nhiều trang hơn cả; lướt qua sách báo trích dẫn (references) để kiểm những văn bản nguồn được trích dẫn thường xuyên nhất; và lướt qua từng chương (chapter) xem liệu nó có được chia nhỏ thành nhiều mục (section) có tiêu đề (heading) hay không, nếu có thì chia như thế nào, và liệu nó có tóm tắt ở cuối không. Với một bài tạp chí, nếu nó có tóm tắt (abstract) thì hãy đọc tóm tắt; lướt nhanh xem liệu nó có chia thành các mục với tiêu đề hay không; và đọc quét mục sách báo trích dẫn.

Bước 2. Xác định vị trí nơi nêu vấn đề/câu hỏi nghiên cứu và luận điểm chính (main claim). Với một cuốn sách thì đọc nhập đề, đoạn tóm tắt, chương đầu tiên và chương cuối cùng. Với một bài tạp chí thì đọc nhập đề (đặc biệt lưu ý vài đoạn cuối của nhập đề) và kết luận (conclusions). Đến đây độc giả đã có thể đủ khả năng loại ra những văn bản không thích hợp với quan tâm của mình. Nếu vẫn chưa thể làm điều đó, hãy tìm tiếp như sau:

Bước 3. Xác định những tiểu luận điểm chính (key subclaim). Với sách, hãy đọc những đoạn đầu tiên và đoạn cuối mỗi chương, rồi đọc từng chương như cách đọc một bài tạp chí. Với bài tạp chí, xác định vị trí các mục của nó;

đọc những đoạn đầu tiên và cuối cùng của mỗi mục.

Bước 4. Đọc lướt tìm những chủ đề then chốt, bắt đầu bằng cách lướt tìm những khái niệm then chốt (key concept) để xem văn bản có thích hợp với điều độc giả đang cần hay không. Nếu thấy đúng là văn bản thích hợp, hãy trở lại đọc nó thật cẩn thận (Booth và cộng sự, 2003, tr. 106-107).

Cũng về “địa dư” của sách báo, dựa trên quy ước chung về cách viết, nhiều độc giả lão luyện khuyên nên tìm kiếm ở những vị trí sau để xác định một tài liệu nào đó có cần đọc không. Để thấy được toàn cảnh một cuốn sách, hãy đọc lời tựa (preface) hoặc lời nói đầu, nhập đề hoặc kết luận, chương đầu và chương cuối của sách (Giarrusso và cộng sự, 1998, tr. 74). Còn với từng chương trong sách hãy đọc đoạn đầu (first paragraph) của mỗi chương, nơi hầu hết các tác giả cho biết họ sẽ làm gì ở chương đó, và đoạn cuối, nơi họ điểm lại những gì họ đã làm. Song không phải lúc nào và ở đâu người viết cũng đưa các ý tưởng quan trọng nhất vào phần đầu và cuối của văn bản. Vì phải lưu tâm đến công chúng và mục tiêu viết, tác giả có thể theo một trật tự khác. Nếu không tìm được ý tưởng chính ở đoạn đầu và đoạn cuối như thế (mà trường hợp này rất hiếm), độc giả có thể đọc lướt qua từng trang, để có ấn tượng chung về nội dung mỗi chương.

Nếu không đọc lướt, và nếu độc giả biết rõ một vấn đề cụ thể mà mình muốn xem cách giải quyết của cuốn sách thì họ có thể đọc quét từng trang

thật nhanh, tìm những từ quan trọng gọi là từ khóa (key word) để qua đó tìm ra lời đáp.

Ngoài việc sử dụng mục lục để nắm bắt những nội dung chủ yếu của sách, người đọc còn có thể trông cậy vào bất kỳ thông tin nào đưa ra ở những vị trí sau đây:

- Với sách bìa cứng có giấy bọc ngoài - còn gọi là tờ che bụi (dust jacket) - thì tìm thông tin ở hai cột giấy nhỏ kẹp gấp vào bìa trước và bìa sau;

- Với sách bìa mềm, thì thường là bìa số 4 có giới thiệu về nội dung sách.

Với bài viết thì hãy đọc đoạn (section) đầu và đoạn cuối.

Đó là những mẹo nhỏ để nhanh chóng tìm ra văn bản có cần đọc hay không.

Sau khi người đọc đã xác định được rằng cần đọc cuốn sách, bước tiếp theo là tìm cách đọc có hiệu quả. Theo các chuyên gia, những người đọc và hiểu được các ý tưởng trong bất kỳ văn bản nào phải có hai điều kiện: một, họ có kiến thức trước đó về chủ đề; và hai, họ có khả năng nhìn một trích đoạn trong bối cảnh của nó. Họ dùng ngữ cảnh để xác định nghĩa của những từ không quen thuộc. Họ đọc những “ý ở ngoài lời”, “ý giữa các dòng”, và nhận ra các ý tưởng và tiên đề mà tác giả ngụ ý, ám chỉ chứ không nêu ra một cách rõ ràng. Như vậy, “[...] đọc hiểu phụ thuộc nhiều vào năng lực nhìn văn bản khớp với bối cảnh ra sao hơn là phụ thuộc vào vốn từ” (Crusius và cộng sự, 2003, tr. 25).

Vậy nên đọc như thế nào? Vẫn theo các chuyên gia, nên làm hai điều như

sau khi đọc:

1/ Nhớ lại kiến thức đã có trước đó và ý kiến của người đọc về chủ đề. Sự quen thuộc với chủ đề sẽ giúp người đọc bớt vất vả khi đọc hiểu;

2/ Xem xét bối cảnh của văn bản, cụ thể là:

- Coi tác giả là người đặt ra những mục tiêu mà việc viết văn bản là nhằm đạt tới mục tiêu ấy;

- Xem những ghi chú của nhà xuất bản, người chủ biên và biên tập..., vì đây có thể là nguồn trợ giúp để trả lời các câu hỏi như: Văn bản viết bao giờ (lần đầu công bố)? Vì sao nó được viết ra? Tác giả là ai? Nghề nghiệp gì? Học vấn ra sao? Giới? Tộc người?... Văn bản xuất hiện ở đâu? In lại từ bản gốc nào? Tác giả viết cho ai? Mục đích viết là gì?...

Nhưng kể cả khi đã xác định được những điều trên, trong nhiều trường hợp đọc giả vẫn cần áp dụng một cách thức sau: đọc đi đọc lại những văn bản quan trọng và khó.

2.3. Đọc nhiều lần

Các chuyên gia (Crusius và cộng sự, 2003) khuyên nên đọc một văn bản ít nhất 3 lần như sau.

1/ Lần đầu là thám hiểm một lãnh địa mới.

Trước tiên nhìn vào các đoạn mở đầu và đoạn kết, nơi các tác giả thường tuyên bố rõ ràng về luận đề của mình và những gợi mở giúp ta nhìn thấy bối cảnh. Lướt qua văn bản, nhìn các tiêu đề chính (nếu có) và đọc một vài câu đầu của mỗi đoạn, rồi cuối cùng đọc

đoạn kết. Sau đó, hãy đọc văn bản với tốc độ vừa phải. Nếu người đọc có ý nghĩ và câu hỏi nào về văn bản thì viết ra bên lề. Những việc trên sẽ tạo cho người đọc một ý tưởng chung rằng văn bản đó trình bày về những gì.

2) Đọc lần thứ hai với mục tiêu là nhận ra kết cấu văn bản và “vật lộn” với những đoạn khó.

Kết cấu là cách sắp xếp văn bản. Một lập luận tốt thường có nhiều phần khác nhau, mỗi phần thực hiện một chức năng khác nhau. Ví dụ trật tự một lập luận có thể bao gồm: Khung cảnh chung; Đưa ra luận điểm và nêu một lý do; Đưa ra quan điểm đối lập; Bác bỏ quan điểm đối lập.

Khi đọc lần thứ hai, đọc giả nên gạch những đường kẻ chia các đoạn. Dựa trên cách hiểu của mình về mục tiêu của tác giả và công chúng, người đọc cố gắng miêu tả chức năng của từng phần. Khi gặp những đoạn khó, người đọc nên tìm cách diễn đạt lại bằng lời của mình. Một số chuyên gia khác khuyên rằng khi đọc lần hai, người đọc có thể sử dụng mấy kỹ thuật như:

- Dùng bút gạch dưới các từ và câu có vẻ quan trọng. Khi gặp một điều gì đó xem chừng quan trọng, nên đánh dấu đặc biệt như gạch dưới hai lần, đánh dấu hoa thị hay hình sao ngoài lề, đặt ngoặc đơn hay khoanh tròn những từ khóa và câu then chốt.

- Viết ra bên lề những tóm tắt ngắn về các ý tưởng chủ chốt, hoặc những câu hỏi và giải đáp của chính người đọc (Clee và cộng sự, 1999, tr. 4-6).

Tất nhiên các kỹ thuật trên chỉ là gợi ý về cách đọc và đánh dấu. Người đọc không nhất thiết phải dùng cách đánh dấu trên, mà có thể thay nó bằng hệ thống của riêng mình. Điều quan trọng là biết tìm cái gì và đánh dấu như thế nào.

3) Đọc lần thứ ba là nhằm đặt câu hỏi về văn bản, ngay cả khi người đọc đồng ý với nó. Nếu không đồng ý với tác giả, người đọc vẫn cần nhận ra những điểm tốt, có giá trị của họ (Crusius và cộng sự, 2003, tr. 25-44). Vậy người đọc tìm những gì khi đọc lần thứ ba? Một số chuyên gia gợi ý rằng hãy tìm luận điểm, tức là câu hỏi mà tác giả đang cố gắng trả lời (những điểm chính của tác giả và cái được gọi là “tiền đề mặc định ngầm” ẩn đằng sau chúng), và những bằng chứng được dùng để trả lời.

Mặc dù vậy, rất có thể sau khi đã đọc nhiều lần, nhưng độc giả vẫn chưa nắm được thông điệp chính của một văn bản. Trong trường hợp đó, và riêng đối với sách (chứ không phải các dạng ấn phẩm khác) thì hãy triệt để tận dụng một số công cụ hỗ trợ đọc hiểu sau đây.

3. TẬN DỤNG VÀI CÔNG CỤ HỖ TRỢ KHI ĐỌC HIỂU SÁCH TIẾNG ANH

Tuy có những đặc điểm, yêu cầu, khó khăn riêng và khác hẳn tiếng Việt, nhưng sách tiếng Anh cũng cung cấp những công cụ hỗ trợ cho việc đọc mà xuất bản phẩm ở nhiều ngôn ngữ khác không hề có. Chúng tạo ra những thuận lợi riêng mà người đọc cần biết và triệt để tận dụng. Như trên đã nói, một trong những công cụ đó là

bảng tra cứu; nó rất hữu ích để nắm được nội dung sách.

1) Bảng tra cứu (“index”, còn được một số người dịch thành “bảng chỉ mục”) là một bộ phận không thể thiếu và hết sức thông dụng ở sách chuyên khảo tiếng Anh, tuy nhiên rất hiếm khi nó xuất hiện ở sách Việt Nam. Nhiều người Việt Nam rất lạ lẫm với bảng tra cứu, không biết tại sao có nó, sử dụng nó làm gì và như thế nào. Thậm chí, nhiều sách được dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và xuất bản nhưng bị cắt bỏ bảng tra cứu (ví dụ Bilton và cộng sự, 1993). Một trong nhiều nguyên nhân có thể là người cắt đã không biết tác dụng của bảng tra cứu và cách dùng nó. Tương tự, không ít người khi sao chụp một cuốn sách tiếng Anh cũng không chụp bảng tra cứu; bằng việc làm này họ đã vứt đi một thứ có thể coi là “công cụ đào bới” sắc bén trong lúc đang cần khai thác “mỏ khoáng sản quý hiếm”.

Bản thân tác giả bài viết này thường xuyên sử dụng bảng tra cứu, hơn nữa, từng tự tay soạn bảng cho công trình chuyên khảo của mình bằng tiếng Anh (Pham Van Bich, 1999, tr. 265-270). Khi dịch sách tiếng Anh sang tiếng Việt để xuất bản, tôi giữ bảng tra cứu chứ không cắt bỏ, và tiến hành thêm một việc nữa là sắp xếp lại bảng tra cứu theo chữ cái của tiếng Việt để độc giả dễ tìm (Berger, sắp xuất bản). Sở dĩ cần sắp xếp lại là vì bảng được cấu tạo theo trật tự abc, nhưng khi chuyển ngữ, thứ tự này thay đổi; nếu không sắp xếp lại sẽ phá vỡ nguyên tắc tạo bảng. Thấm thía tác dụng của bảng

tra cứu nên tôi thấy cần giới thiệu vài lời về nó như sau.

Bảng tra cứu là một danh sách bao gồm những danh từ, khái niệm và tên riêng (được coi là có thể đáng quan tâm đối với độc giả, cần thiết và quan trọng mà độc giả cần nắm được để hiểu nội dung sách), cũng như thông tin về vị trí của những từ đó trong sách. Bảng do tác giả (hoặc người thay tác giả) thiết lập nên, và nằm ở những trang cuối cùng. Nó là công cụ để giúp độc giả xác định dễ dàng và nhanh chóng những điều mà một cuốn sách đề cập dưới dạng bảng kê các mục từ. Nó sắp xếp những từ này theo trình tự chữ cái abc, mang hình thức như một từ điển nhỏ (bảng tự vị), và nêu rõ vị trí (số trang) nơi từ đó xuất hiện.

Ví dụ khi gặp một cuốn sách về hôn nhân xuyên biên giới, lĩnh vực mà nhiều người thường gắn với những tính toán thực dụng, chứ không phải tình yêu, người đọc muốn biết liệu “love” (tình yêu) có được đề cập ở đây hay không thì hãy mở cả “contents” lẫn “index” để tìm. Khi nhìn vào “index”, người đọc thấy bảng được cấu tạo gồm hai cấp độ theo thuật ngữ chuyên môn của giới làm sách tiếng Anh: các mục từ (entry) và tiểu mục từ (sub-entry). Mỗi mục từ được trình bày bắt đầu ở một dòng riêng và đặt sát mép lề trái; tiểu mục từ thì xuống dòng và lùi sang phải một chút. Từ “love” này xuất hiện ở phần dành cho mục chữ cái “L” (chữ đầu tiên của “love”). Cụ thể: love

role of in marriage 55, 83 (Williams, 2010, tr. 244)

Nhờ quy ước trình bày như trên nên người lập bảng thấy không cần viết đầy đủ, mà lược bỏ “love” trong tiểu mục từ, nhưng người đọc vẫn hiểu rằng đây là một tiểu mục của mục từ chính, và họ nên đặt trả lại chữ “love” vào nơi nó bị lược bỏ để tiểu mục có nghĩa. Các chữ và số trên có nghĩa là mục từ “tình yêu” và một tiểu mục cụ thể của nó là “vai trò của tình yêu trong hôn nhân” xuất hiện ở các trang 55 và 83. Như vậy, trong trường hợp các anh chị cần tìm hiểu khái niệm “love” này, thì có thể đọc về nó ở các trang trên.

Trong bảng tra cứu của một cuốn khác, ta thấy: Berger, Peter 5 (Charon, 2004, tr. 338). Nghĩa là tên riêng của nhà xã hội học người Mỹ xuất hiện ở trang 5 của cuốn sách được dẫn ra. Nếu người đọc muốn biết sách nói gì về học giả đó, hãy tìm ở trang này.

Bảng tra cứu thường có hai loại:

1/ Tra cứu tên riêng (name index), nơi người ta lập danh sách các tên riêng xuất hiện ở các trang sách.

2/ Tra cứu theo chủ đề (subject index), trong đó người ta chỉ dẫn số trang nơi độc giả có thể thấy các danh từ và chủ đề (hay khái niệm) của cuốn sách.

Cũng có trường hợp cả hai loại bảng tra cứu được kết hợp làm một.

Nhiều bảng tra cứu rất công phu và hữu ích. Nghĩa là nó không chỉ lập danh sách các từ và khái niệm sử dụng trong sách, mà còn phân nhóm các khái niệm tương tự, gần gũi nhau bằng cách nêu ra những tham chiếu chéo (cross-reference): từ này sẽ nêu

ra từ kia để độc giả tham khảo không chỉ một từ nào đó, mà cả những từ liên quan. Ví dụ trong bảng tra cứu của một cuốn sách về kỹ năng nghiên cứu (Booth và cộng sự, 2003, tr. 327) có mục từ sau:

hypothesis, 75-76, 90, 127, 158. *See also* claim

Nghĩa là độc giả có thể thấy từ “hypothesis” ở các trang đã nêu (dấu gạch ngang nghĩa là “từ trang... đến trang...”); ngoài ra họ cũng có thể tìm thêm cả từ có liên quan là “claim” nữa.

Nếu kết hợp bảng tra cứu với mục lục thì độc giả sử dụng không chỉ một, mà hai công cụ tìm kiếm tiện lợi. Tuy cùng giúp tìm nội dung sách, nhưng giữa chúng có những khác biệt nhất định. Người ta đã nhận xét rằng trong khi mục lục cho phép nắm bắt nội dung một cuốn sách theo trật tự các phần, các chương mục thì bảng tra cứu giúp độc giả tiếp cận theo những chủ đề cụ thể và chi tiết hơn.

Nếu người đọc muốn biết liệu một cuốn sách nào đấy có đề cập đến chủ đề mà mình đang cần hay không, thì đầu tiên người đọc cần xác định danh từ hoặc khái niệm tiếng Anh biểu hiện chủ đề đó. Tiếp theo, căn cứ vào chữ cái đầu tiên của khái niệm ấy, hãy mở bảng tra cứu của sách để tìm - giống như tra từ điển. Có thể tìm khắp trong toàn bộ bảng tra cứu, nhưng việc nắm được vị trí và thứ tự của 26 chữ cái tiếng Anh sẽ giúp thu hẹp phạm vi và gia tăng tốc độ tìm kiếm - cụ thể chữ cái đầu tiên sẽ cho người đọc biết mục từ này nằm ở đâu, khoảng nào,

trước và sau chữ nào. Giả sử người đọc quan tâm đến xã hội học tri thức (tiếng Anh là “sociology of knowledge”), khi giờ mục lục cuốn sách nhập môn xã hội học đã trở thành kinh điển của Berger (1963, tr. 6) thì ngoài lời tựa và tiêu đề của 8 chương, người đọc không thấy chút gì về mối quan tâm của mình. Tuy nhiên, đừng vội thất vọng mà dùng chữ cái S và K (của cụm từ trên) làm đầu mỗi để tìm đến bảng tra cứu cũng của cuốn sách đó (1963, tr. 218) thì người đọc sẽ thấy có mục từ sau:

sociology of knowledge, 54, 111, 128-37, 139, 158, 208-9; defined, 128; origin, 128; significance, 133; tendency, 133

Nên hiểu thông tin trên như thế nào? Chủ đề “sociology of knowledge” ở đây gồm hai cấp độ – cụ thể “sociology of knowledge” là mục từ và nhiều tiểu mục từ biểu hiện bằng các chữ tiếp theo nó. Ngoài việc liệt kê những trang xuất hiện mục từ trên, bảng tra cứu còn phân chia chi tiết hơn thành bốn chủ đề cụ thể (bốn tiểu mục): chuyên ngành này được định nghĩa (defined) ở trang 128; nguồn gốc (origin) của nó được nói tới ở trang 128; ý nghĩa (significance) của nó ở trang 133; và xu hướng (tendency) của nó ở trang 133.

Muốn xem xét tiểu mục nào thì người đọc chỉ việc mở đúng trang chứa nó, chứ không phải ở những trang khác. Như vậy, nhờ xem bảng tra cứu, người đọc biết được rằng cuốn sách chứa đựng khá nhiều thông tin về chủ

đề mình quan tâm. Nói khác đi, bảng tra cứu đã giúp độc giả tìm thông tin đáng chú ý một cách hữu hiệu và nhanh chóng. Người đọc còn có thể kỳ vọng gì hơn sự trợ giúp đắc lực như thế?

Dù loại nào được sử dụng thì bảng tra cứu vẫn là một công cụ hết sức bổ ích và tiện dụng. Nó giúp người đọc xác định xem liệu một cuốn sách có bàn đến những chủ đề (danh từ, khái niệm) mà họ quan tâm hay không, và nếu có thì ở trang nào. Việc này rất tiện lợi để chọn đọc trang nào, phần nào trong cuốn sách nhằm có thông tin ngay về điều người đọc chú ý, chứ không nhất thiết phải đọc hết cả cuốn sách. Chính vì thế, khi đọc nhiều cuốn sách, Rita Liljeström (giáo sư hướng dẫn luận án tiến sĩ của tác giả bài viết này tại khoa Xã hội học, trường Đại học Tổng hợp Göteborg, Thụy Điển, và là người đầu tiên dạy tác giả về tác dụng của bảng tra cứu) còn viết tay để bổ sung vào bảng tra cứu nhiều danh từ về chủ đề mà bà lưu ý. Học theo bà, tôi cũng điền thêm vào một số bảng tra cứu những từ mà người soạn bảng không xếp trong danh mục, nhưng quan trọng theo góc nhìn của tôi.

Tóm lại, tuy bảng tra cứu thường được đặt ở cuối sách (còn mục lục ở đầu), nhưng do công dụng tốt của nó, nhiều bậc thức giả khuyên người đọc nên bắt đầu tìm từ bảng tra cứu hơn là mục lục (Kitchin và cộng sự, 2005, tr. 56). Và thật xác đáng với lời nhận xét rằng “tuy mới thoát nhìn nó là phần khô khan nhất của cuốn sách nhưng xét kỹ hơn, bảng tra cứu đôi

khi có thể mang lại cả sự quan tâm lẫn niềm vui thú” (Collison, 1957, tr. 121).

2) Những bài điểm sách (book review) cũng là một công cụ hữu ích trên các tạp chí chuyên ngành. Nếu độc giả phải đọc một cuốn sách mới nào đó mà chưa biết hoặc khó nắm bắt nội dung và ý nghĩa, giá trị cũng như thành công, thiếu sót thì hãy ghi nhớ một vài thông tin cơ bản của nó (tên tác giả, nhan đề sách, nhà xuất bản, năm xuất bản...) rồi tìm đọc những bài điểm sách về nó trên các tạp chí chuyên ngành, nhưng lưu ý là chỉ những số ra sau khi nó được ấn hành. Nhiều tạp chí như “*American Journal of Sociology*”, “*British Journal of Sociology*”... đều đặn dành một số lượng lớn trang để đăng những bài điểm sách này và đặt thành một mục riêng. Thậm chí Hội Xã hội học Mỹ ra hẳn một tạp chí chuyên san về điểm sách nhan đề “*Contemporary Sociology: a Journal of Reviews*”, tức là từ đầu đến cuối đều điểm và chỉ điểm sách mà thôi. Người ta bao quát những sách vừa ra và thậm chí đặt hàng nhà nghiên cứu nhận xét một cuốn sách cụ thể. Thường độ dài mỗi bài chỉ khoảng 500 đến 1000 từ (trừ những chuyên luận điểm sách được đặt hàng riêng, phổ biến nhất nhằm để đánh giá và so sánh từ hai cuốn sách trở lên về cùng một chủ đề) nên không quá mất thì giờ để đọc. Người điểm sách không chỉ tóm tắt nội dung, mô tả sách gồm mấy chương... (như cách viết thể loại này thường thấy ở nhiều tạp chí Việt Nam) mà quan trọng nhất

là nhận xét, đánh giá nó ở nhiều khía cạnh như điều hay cái dở, chất lượng và chiều sâu lập luận, phong cách và kết cấu sách... Những bài này giúp độc giả biết sách nào đã xuất bản, nó đề cập những nội dung gì và được giới chuyên môn đánh giá ra sao. Nhờ vậy, với giới học thuật phương Tây “[...] điểm sách thường là một trong những mục được đọc nhiều nhất ở một tạp chí vì nó cho phép nhà nghiên cứu theo dõi được những gì đang diễn ra trong ngành và nêu bật những gì mà họ có thể đã nhận ra hoặc chưa nhận ra là hữu ích, cần đọc” (Kitchin và cộng sự, 2005, tr. 48).

Trên đây bài viết đã đưa ra một vài gợi ý về cách đọc nhằm hiểu đúng văn bản. Để người chưa thông thạo dễ hình dung được đường đi nước bước, dưới đây xin giới thiệu mấy trường hợp đọc hiểu sai. Qua đó, người đọc có thể thẩm thía hơn những kinh nghiệm cần thiết về cách đọc.

4. VÍ DỤ VỀ CÁCH ĐỌC SAI, HIỂU LẦM - TỪ ĐÓ GỢI Ý KINH NGHIỆM ĐỌC

1) Một ví dụ về đọc nhầm và hiểu sai là việc nhóm tác giả Việt Nam giới thiệu một khái niệm quan trọng của lý thuyết nữ quyền phương Tây là “patriarchy” mà họ dịch sang tiếng Việt là “gia trưởng” (Trần Thị Vân Anh, Lê Ngọc Hùng, 1996). Quả là trong nhiều từ điển Anh - Việt thông dụng hiện nay, từ trên mang nghĩa đúng như đã dịch - ví dụ xin xem *Từ điển Anh - Việt* (Viện Ngôn ngữ học, 1992, tr. 1203). Tuy nhiên, nếu nhóm tác giả trên dựa vèn

vẹn vào một nguồn trợ giúp duy nhất là từ điển phổ thông và dịch như thế thì họ chỉ hiểu nghĩa đen của từ, và mới dừng ở mức giải mã ngôn ngữ, chứ không nắm được nội dung khái niệm. Như tôi đã vạch rõ (Mai Huy Bích, 2009, tr. 85-87), ở thế kỷ XX, trong khoa học xã hội phương Tây đã diễn ra sự mở rộng và thay đổi ý nghĩa của khái niệm “patriarchy”: từ chỗ hàm chỉ một hình thái gia đình, nó chuyển sang định danh một chế độ xã hội. Nhưng nhóm tác giả Việt Nam nói trên dựa vào những từ điển song ngữ Anh - Việt thông dụng (nơi chỉ nêu nghĩa cũ của từ), mà không theo dõi và không nắm được sự chuyển nghĩa của khái niệm. Họ không đọc những công trình đã định nghĩa lại khái niệm, cũng không đi theo con đường tìm tòi quen thuộc của giới học thuật là tra cứu những từ điển và bách khoa thư phổ thông (ví dụ “*Encyclopedia Britannica*”) và chuyên ngành (chẳng hạn các “*Encyclopedia of Sociology*” hay “*Dictionary of Sociology*”).

Vậy bằng cách nào độc giả trẻ và ít kinh nghiệm có thể nắm bắt được sự chuyển nội hàm và nghĩa mới của khái niệm mang mặt chữ cũ? Đọc sách báo nữ quyền, ta thấy khái niệm “patriarchy” được sử dụng ở những bối cảnh không phải gia đình, với nghĩa khác và rộng hơn. Điều đó khiến ta nghi ngờ và không thể bằng lòng với nghĩa mà từ điển phổ thông cung cấp. Như một nhà nghiên cứu đã vạch rõ, “nguyên gốc nó (tức khái niệm “patriarchy” – PVB) rõ ràng mang nghĩa là ‘sự thống trị của người

cha'; với cách dùng của thuyết nữ quyền, ý nghĩa này đã mất đi, hay ít nhất bị nhấn chìm vào khái niệm tổng quát hơn về sự áp bức của nam giới đối với phụ nữ" (Morgan, 1985, tr. 244). Vậy ta cần tìm ý nghĩa, nội dung và cách dịch mới; lần theo mạch đó, độc giả đi tới những tác giả trực tiếp định nghĩa khái niệm này. Mở bảng tra cứu một số cuốn sách của họ để tìm "patriarchy", ta thấy nhiều định nghĩa. Ví dụ: đây là một "thể chế trong đó phân nửa cư dân là nữ giới bị sự kiểm soát của một nửa cư dân là nam giới" (Millet, 1977, tr. 25). Một tác giả khác xác định đây là "một hệ thống cơ cấu và thực tiễn xã hội trong đó nam giới thống trị, áp bức và bóc lột phụ nữ" (Walby, 1990, tr. 20). Vì thế không thể dịch nó là "gia trưởng" như nghĩa được ghi trong các từ điển phổ thông. Đi tiếp cuộc tìm tòi của mình theo con đường quen thuộc mà giới học thuật vẫn lần bước là tra cứu các từ điển bách khoa thư phổ thông và chuyên ngành (ví dụ "*Fifty Key Concepts in Gender Studies*"), độc giả sẽ thấy rõ ràng rằng từ đầu thế kỷ XX, các tác giả nữ quyền đã sử dụng khái niệm "patriarchy" để chỉ hệ thống xã hội thống trị của nam giới đối với phụ nữ. Như vậy, nghĩa mới của "patriarchy" là trở một hệ thống cơ cấu và thực tiễn xã hội trong đó nam giới thống trị, áp bức và bóc lột phụ nữ, chứ không còn bó hẹp ở phạm vi gia đình nữa (Pilcher và cộng sự, 2004, tr. 93). Nên dịch nó thành "chế độ nam trị" để lột tả chính xác nội hàm mới của khái niệm. Con đường lần tìm này chính là một

gợi ý về kinh nghiệm đọc hiểu cho độc giả trẻ. Điều đáng nói là mặc dù đã được góp ý nên sửa đổi cách dịch trên, nhưng khi tái bản công trình "có bổ sung và sửa chữa", nhóm tác giả này (Trần Thị Vân Anh, Lê Ngọc Hùng, 2000, tr. 37) chỉ nhắc đến đề xuất thay đổi, nhưng vẫn giữ cách dịch cũ.

2) Có thể nêu lý thuyết "structuration" của A. Giddens mà một học giả Việt Nam dịch thành "cấu trúc hóa" (Lê Ngọc Hùng, 2009) làm một ví dụ nữa về cách đọc hiểu không đúng và dịch sai khái niệm xã hội học. Như tôi đã phân tích (Phạm Văn Bích, 2012, tr. 113-114), về mặt từ nguyên không có cơ sở nào để dịch cái tên lý thuyết trong tiếng Anh thành "cấu trúc hóa", mà cần vạch rõ rằng đó là khái niệm do riêng Giddens đặt ra. Với những khái niệm mà ban đầu do một và chỉ một tác giả tạo nên rồi trở thành thông dụng trong từ vựng xã hội học, thì để hiểu đúng và dịch chính xác, cần dựa theo nội dung khái niệm và ý nghĩa mà người tạo tác ấy đã hiểu, muốn gửi gắm vào đó và sử dụng nó, chứ không nên căn cứ trên mặt chữ hoặc ý nghĩa thông thường. Vậy làm thế nào tìm được cái nghĩa mà người tạo tác gắn vào khái niệm?

Tốt nhất là bằng cách đọc trực tiếp chính tác phẩm mà người đó trình bày, phân tích và giải thích lý thuyết đấy - ở đây là cuốn Giddens (1984). Cụ thể hơn, nếu học tập cách xem xét của L. Coser (1971) - tức là nếu đặt một lý thuyết, một tác giả vào bối cảnh học thuật và xã hội của họ - ta sẽ nhận ra sự phân biệt nổi bật và thịnh hành

trong xã hội học giữa “structure” (cấu trúc) và “action” (hành động), tới mức đối lập chúng với nhau. Từ xuất phát điểm đấy ta thấy rõ nỗ lực của Giddens nhằm vượt qua phép lưỡng phân rạch ròi này và kết hợp hai thái cực “cấu trúc” với “hành động” để coi trọng cả hai. Điều đó gợi ý rằng không nên và không thể chỉ chọn một trong hai yếu tố để dịch thành “cấu trúc hóa”, mà cần nhấn mạnh cả “cấu trúc” lẫn “hành động”.

Thêm nữa, khi đọc những công trình giới thiệu và nhận xét lý thuyết này - mục book review trên các tạp chí (chẳng hạn Turner 1986), những sách và bài viết về nó (Bryant và cộng sự, 1991; Held và cộng sự, 1989; Stones, 2005) - thì càng rõ ràng là Giddens chú trọng cả hai, chứ không nhấn mạnh riêng nhân tố “cấu trúc”. Cách tìm kiếm như trên giúp ta nắm được nội dung lý thuyết đúng hơn. Việc dịch tên lý thuyết thành “cấu trúc hóa” khiến độc giả dễ lầm tưởng rằng lý thuyết “structuration” nhấn mạnh chỉ riêng “cấu trúc”, trong khi thực ra thuyết đó coi trọng ngang nhau cả “cấu trúc” lẫn “hành động”. Rõ ràng, dịch thành “cấu trúc hóa” là đọc chệch và hiểu sai nội dung của nó. Tóm lại, nên dịch là “lý thuyết về tính hai mặt của cấu trúc” hay thuyết “cấu trúc - hành động” (Phạm Văn Bích, 2012).

5. LỜI KẾT

Đọc hiểu văn bản tiếng Anh là một kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu và không thể thiếu của nhà xã hội học. Để rèn luyện kỹ năng này, hãy bắt đầu từ việc

làm quen với những quy ước về “địa dư” của văn bản. Đọc tích cực không phải là đọc từ dòng này sang dòng khác, mà bắt đầu bằng một cái nhìn thoáng qua để bao quát nhanh toàn bộ văn bản. Tiếp theo, hãy thử xem nó dài như thế nào, có chia phần mục và đặt tiêu đề cho các phần mục hay không, cách sắp xếp kết cấu của nó ra sao, và hãy xác định chỗ nào lý thú, chỗ nào khó đọc hay khó hiểu. Dựa trên cơ sở nắm vững “địa dư”, hãy nhìn vào đoạn mở đầu và đoạn cuối để tìm những điểm chính của tác giả, rồi tìm thông tin về tác giả cũng như thông tin xuất bản – tức là tìm hiểu bối cảnh của nó. Cuối cùng, nếu đối mặt với những pho sách dày và khó đọc thì độc giả không chỉ cần tận dụng triệt để những công cụ đọc hiểu nằm ở ngay trong từng cuốn (bảng tra cứu, mục lục, lời giới thiệu ở bìa sách...) mà còn dựa vào các hỗ trợ bên ngoài (bài điểm sách trên tạp chí, những chuyên khảo về cuốn sách, hay những công cụ tra cứu như từ điển, bách khoa toàn thư...). Vài gợi ý nhỏ này sẽ giúp người “dùi mài đèn sách” bớt nhọc nhằn trong việc nắm bắt được nội dung những gì mình đọc.

“Đọc sách thì thông đòi nghĩa sách” - lời thơ của danh nhân văn hóa Nguyễn Trãi đã nêu rõ yêu cầu đặt ra đối với người làm nghề đèn sách: phải hiểu rõ, hiểu đúng điều sách muốn nói. Hi vọng những gợi ý trên đây sẽ ít nhiều giúp các nhà xã hội học trẻ dần dần tiến tới mục tiêu đó. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Vì đọc quan trọng như vậy, nên các thư viện quốc tế đặt ra những quy tắc rất khắt khe đối với độc giả: nếu vi phạm nội quy thư viện (ví dụ chậm trả sách báo đã mượn hoặc làm rách nát, hư hỏng, hay lấy trộm sách báo...), người sở hữu thẻ bị phạt dưới nhiều hình thức. Tùy theo mức độ vi phạm, họ không chỉ phải nộp tiền (khá nhiều), mà còn bị treo thẻ mượn trong một khoảng thời gian nhất định, thậm chí vô thời hạn. Đối với nhiều người ở Việt Nam hiện nay, việc bị phạt treo thẻ chẳng hề hấn gì, mà chỉ là "chuyện vặt", vì họ không đọc, và "không đọc cũng chẳng sao"; còn nếu buộc phải đọc, họ có thể nhờ người khác mượn sách hộ. Nhưng theo phong cách làm việc quốc tế, hình phạt trên thực sự gây khó khăn cho người vi phạm và qua đó nhấn mạnh tầm quan trọng của đọc. Lý do là vì mất quyền mượn, người ta không thể tiếp cận sách báo - những công cụ làm việc thiết yếu, nhất là khi thời hạn chót để hoàn thành bài viết, bài thi hoặc tiểu luận đã cận kề. Không dễ dàng tìm được ai sẵn lòng mượn hộ sách cho người khác.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Becker, H. 1986. *Writing For Social Scientists: How to Start and Finish Your Thesis, Book, or Article*. Chicago: The University of Chicago Press.
2. Berger, P. 1963. *Invitation to Sociology: A Humanistic Perspective*. London: Penguin Books.
3. Berger, P. (sắp xuất bản). *Lời mời đến với xã hội học: một góc nhìn nhân văn*. Phạm Văn Bích dịch. Hà Nội: Nxb. Tri thức.
4. Bilton, T. et al., 1993. *Nhập môn xã hội học*. Phạm Thủy Ba dịch, Tương Lai giới thiệu. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội. Nguyên gốc tiếng Anh: 1987. *Introductory Sociology*. Second Edition. London: Macmillan
5. Booth, W. et al., 2003. *The Craft of Research. Second Edition*. Chicago: Chicago University Press.
6. Bryant, G. et al. (eds.). 1991. *Giddens' Theory of Structuration: A Critical Appreciation*. New York: Routledge.
7. Charon, J. 2004. *Ten Questions: A Sociological Perspective*. Fifth Edition. Belmont: Wadsworth.
8. Clee, P. et al. 1999. *American Dreams: Readings for Writers*. Second Edition. Mountain View: Mayfield.
9. Collison, R. 1957. *Book Collecting*. London (trích theo [en.wikipedia.org/wiki/index_\(Publishing\)](http://en.wikipedia.org/wiki/index_(Publishing)) (truy cập ngày 31/10/2014).
10. Coser, L. 1971. *Masters of Sociological Thought*. New York: Harcourt Brace Jovanovich, Inc.
11. Crusius, T. et al. 2003. *The Aims of Argument: A Text and Reader*. Fourth Edition. New York: McGraw-Hill.
12. Giarrusso, R. et al. 1998. *A Guide to Writing Sociology Papers*. Fourth Edition. New York: St. Martin's Press.
13. Giddens, A. 1984. *The Constitution of Society: Outline of the Theory of Structuration*. Cambridge: Polity Press.

14. Greetham, B. 2001. *How to Write Better Essays*. Basingstoke: Palgrave.
15. Held, D. et al. (eds.). 1989. *Social Theory of Modern Societies: Anthony Giddens and his Critics*. Cambridge: Cambridge University Press.
16. Hunt, A. 2005. *Your Research Project: How to Manage it*. London: Routledge.
17. Kitchin, R. et al. 2005. *The Academic's Guide to Publishing*. London: SAGE Publications.
18. Kuhn, T. 1962. *The Structure of Scientific Revolutions*. Chicago: University of Chicago Press.
19. Lê Ngọc Hùng. 2009. “Động thái của cấu trúc xã hội và thuyết cấu trúc hóa của Anthony Giddens”. *Tạp chí Xã hội học*, số 2.
20. Mai Huy Bích. 2001. “Một xu hướng nghiên cứu và những khó khăn trong việc kết hợp nghiên cứu với giảng dạy xã hội học”. *Tạp chí Xã hội học*, số 4.
21. Mai Huy Bích. 2009. *Giáo trình xã hội học giới*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
22. Marsh, I. (ed.). 2002. *Theory and Practice in Sociology*. Essex: Pearson.
23. Millet, K. 1977. *Sexual Politics*. London: Vigarò.
24. Morgan, D. 1985. *The Family, Politics and Social Theory*. London: Routledge & Kegan Paul.
25. Pham Van Bich. 1999. *The Vietnamese Family in Change: the Case of the Red River Delta*. Surrey: Curzon.
26. Phạm Văn Bích. 2012. “Lý thuyết ‘Structuration’ của A. Giddens”. *Tạp chí Xã hội học*, số 4.
27. Phạm Văn Bích. 2013. “Viết tổng quan về tình hình nghiên cứu trong xã hội học”. *Tạp chí Xã hội học*, số 3.
28. Pilcher, J. et al. 2004. *Fifty Key Concepts in Gender Studies*. London: SAGE.
29. Stones, R. 2005. *Structuration Theory*. New York: Palgrave Macmillan.
30. Trần Thị Vân Anh, Lê Ngọc Hùng. 1996. *Phụ nữ, giới và phát triển*. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.
31. Trần Thị Vân Anh, Lê Ngọc Hùng. 2000. *Phụ nữ, giới và phát triển*. Tái bản lần thứ nhất, có sửa chữa và bổ sung. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.
32. Turner, J. 1986. “The Theory of Structuration”. *American Journal of Sociology*. Vol. 91, Issue 4 (Jan.).
33. Yến Trinh. 2015. “Đọc sách, đừng làm con một sách”. Báo *Tuổi trẻ* ngày 14/6.
34. Viện Ngôn ngữ học. 1992. *Từ điển Anh Việt*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
35. Walby, S. 1990. *Theorizing Patriarchy*. Oxford: Blackwell.
36. Waters, M. 1994. *Modern Sociological Theory*. London: SAGE.
37. Williams, L. 2010. *Global Marriage: Cross-Border Marriage Migration in Global Context*. Basingstoke: Palgrave Macmillan.